

Bản án số: 21/2019/DS-PT
Ngày 04-6-2019
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Việt Toàn;

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Văn Hiên;

Bà Đinh Thị Như Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Minh Chiến - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2019/TLPT-DS ngày 13 tháng 5 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS -ST ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 47/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T; địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị G, ông Nguyễn Xuân Đ; cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn là bà Trần Thị G, ông Nguyễn Xuân Đ.

4. *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Do có mối quan hệ làm ăn quen biết, từ năm 2012 đến cuối năm 2016 ông Nguyễn Xuân Đ và bà Trần Thị G vay của bà Nguyễn Thị Thanh T nhiều khoản tiền vào các ngày khác nhau. Đến ngày 23-1-2017, bà G, ông Đ đã trả nợ cho bà T nhưng vẫn còn nợ lại 25.000.000 đồng tiền gốc. Ngày 24-1-2017, ông Đ và bà G viết giấy xác nhận còn nợ bà T 36.000.000 đồng tiền lãi của những khoản vay trước

đó, cụ thể những khoản vay nào thì bà G, ông Đ không nhớ vì đã quá lâu và cũng không còn lưu lại giấy tờ. Đến ngày 27-01-2017, bà T cho bà G, ông Đ vay thêm 122.000.000 đồng. Đối với số tiền bà G, ông Đ nợ cũ và vay mới hai bên thỏa thuận lãi suất là 2,5%/tháng, kể từ ngày vay và ngày xác nhận nợ. Tổng cộng vợ chồng bà G, ông Đ còn nợ bà T 183.000.000 đồng, tất cả số tiền trên bà G, ông Đ hẹn đến cuối năm 2017 sẽ trả đủ cả gốc và lãi. Đến hạn trả nợ, mặc dù bà T đã nhiều lần yêu cầu ông Đ, bà G trả nợ nhưng ông Đ, bà G không chịu trả nợ gốc và lãi như thỏa thuận.

Bà T yêu cầu ông Đ, bà G phải trả 183.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền nợ lãi của số tiền 183.000.000 đồng, với mức lãi suất là 1,66%/tháng tính từ ngày 27-01-2017 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Lãi tạm tính đến ngày 14-01-2019 là 69.869.400 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết buộc vợ chồng bà G, ông Đ phải trả cho bà T số tiền là 183.000.000 đồng (trong đó 147.000.000 đồng tiền nợ gốc và 36.000.000 đồng tiền nợ lãi) và tiền lãi của số tiền 147.000.000 đồng với mức lãi suất là 1,66%/tháng kể từ ngày 27-01-2017 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án (được làm tròn là 25 tháng) là 61.005.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 244.005.000 đồng. Bà T yêu cầu vợ chồng bà G, ông Đ trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Trần Thị G, ông Nguyễn Xuân Đ trình bày:

Bà G và ông Đ công nhận còn nợ bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 183.000.000 đồng như bà T trình bày. Khi vay, hai bên có thỏa thuận trả lãi với mức lãi suất là 4%/tháng, tính từ thời điểm vay hoặc xác nhận nợ. Đến nay, bà G và ông Đ thừa nhận chưa trả tiền nợ gốc và nợ lãi cho bà T. Ông Đ, bà G đồng ý trả số tiền còn nợ của bà T là 183.000.000 đồng. Ông Đ, bà G đề nghị tính lãi của số tiền vay với mức lãi suất 9%/năm (tức 0,75%/tháng), từ thời điểm vay hoặc xác nhận nợ đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án. Đồng thời đề nghị được trả dần số tiền nợ trên cho bà T vào cuối tháng 1 hằng năm, mỗi năm vợ chồng ông Đ, bà G sẽ có trách nhiệm trả dần cho bà T 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS -ST ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 244, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466, khoản 1 Điều 468 của bộ luật dân sự

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T.

Buộc bị đơn là bà Trần Thị G và ông Nguyễn Xuân Đ phải trả cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 183.000.000 đồng (trong đó có 147.000.000 đồng tiền nợ gốc và 36.000.000 đồng tiền nợ lãi) và 61.005.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 244.005.000 đồng.

2. Về án phí: Buộc bị đơn là bà Trần Thị G và ông Nguyễn Xuân Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.200.250 đồng.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.320.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19-3-2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện C kháng nghị một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS -ST ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai về phần tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn và số tiền án phí bị đơn phải chịu. Đề nghị tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm

Ngày 21-3-2019, bị đơn là bà Trần Thị G và ông Nguyễn Xuân Đ kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiền hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Đảm bảo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật, các thủ tục khai mạc phiên tòa và các thủ tục khác được Hội đồng xét xử và Chủ tọa phiên tòa điều hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, các bên đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, xử: Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS -ST ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là **213.502.500 đồng**, trong đó: Tiền gốc 183.000.000 đồng và nợ lãi 30.502.500 đồng. Đồng thời sửa phần án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn. Do sửa án sơ thẩm nên bà Trần Thị G và ông Nguyễn Xuân Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại bản tự khai ngày 14 tháng 1 năm 2019 (bút lục số 29) ông Đ, bà G đều thừa nhận ngày 27-1-2017 ông, bà có viết giấy xác nhận nợ bà T 183.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì việc ông Đ, bà G còn nợ bà T 183.000.000 đồng là có thật, bà T không cần phải chứng minh. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Đ, bà G phải trả cho bà T 183.000.000 đồng tiền nợ gốc là phù hợp với lời khai, chứng cứ có tại hồ sơ.

[2] Xét kháng cáo của ông Đ, bà G và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C về phần tiền lãi thì thấy rằng. Tại giấy xác nhận nợ ngày 27-1-2017 không thể hiện về phần lãi suất. Tuy nhiên, cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận hai bên có thỏa thuận bằng miệng về phần lãi. Vì vậy, có đủ cơ sở để khẳng

định đây là hợp đồng vay có thỏa thuận về lãi. Bà T cho rằng hai bên thỏa thuận lãi là 2,5%/tháng, kể từ ngày vay và ngày xác nhận nợ. Còn ông Đ, bà G lại cho rằng hai bên thỏa thuận lãi là 4%/tháng, tính từ thời điểm vay hoặc xác nhận nợ. Do hai bên không thống nhất về phần lãi suất nên căn cứ theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì lãi suất áp dụng là 0,83%/tháng. Nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 27-1-2017 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 5-3-2019 (làm tròn thành 25 tháng).

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 1 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: $147.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 25 \text{ tháng} = 30.502.500 \text{ đồng}$. Tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: $183.000.000 \text{ đồng} + 30.502.500 \text{ đồng} = 213.502.500 \text{ đồng}$.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự tính lãi suất áp dụng là 1,66%/tháng đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đ, bà G và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, sửa bản án dân sự sơ thẩm nhằm đảm bảo quyền lợi của đương sự trong vụ án.

[3] Về án phí:

Do sửa bản án sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đ, bà G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $213.502.500 \text{ đồng} \times 5\% = 10.675.125 \text{ đồng}$.

Về án phí phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm, nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 18 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn là bà Trần Thị G, ông Nguyễn Xuân Đ và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C; sửa Bản án dân sự sơ thẩm 03/2019/DS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai như sau.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T buộc bà Trần Thị G, ông Nguyễn Xuân Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T 147.000.000 đồng tiền nợ gốc và 66.502.500 đồng tiền nợ lãi. Tổng cộng là 213.502.500 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu các bên không thỏa

thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Buộc bà Trần Thị G, ông Nguyễn Xuân Đ phải chịu 10.675.125 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 1.525.125 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 6.320.000 đồng theo biên lai số 0007697 ngày 21-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Gia Lai; bà Nguyễn Thị Thanh T được trả lại 4.794.875 đồng.

2.2. *Án phí dân sự phúc thẩm:*

Bà Trần Thị G, ông Nguyễn Xuân Đ không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị G, ông Nguyễn Xuân Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007862 ngày 7 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Gia Lai.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THA dân sự huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Toà DS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Viết Toàn